

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN 11
NĂM HỌC 2024-2025

I. Khung ma trận về cấp độ tư duy với 3 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng:

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câ u	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	60%
I	Năng lực đọc	Văn bản đọc hiểu	6	2	15%	2	25%	2	20%	
		Nghị luận văn học	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100 %
Tổng			7	100%						

II. Kiến thức chung:

BÀI 1 CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

Thể loại		Truyện ngắn hiện đại
Các VB đã học		VB1,2: Vợ Nhật Chí Phèo
Đặc điểm thể loại	Khái niệm	Truyện ngắn hiện đại là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế.
	Câu chuyện và truyện kể	+ <i>Câu chuyện</i> (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian. + <i>Truyện Kể</i> : gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất
	Điểm nhìn trần thuật	+ <i>Điểm nhìn</i> được hiểu là vị trí để quan sát, trần thuật đánh giá của người kể chuyện. + <i>Phân loại điểm nhìn</i> : điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể, điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn bên trong, điểm nhìn không gian

	Lời người kể chuyện, lời nhân vật	+ <i>Lời người kể chuyện</i> gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện. + <i>Lời nhân vật</i> là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật
	Cốt truyện	Thường gồm chuỗi các sự kiện (biến cố) được sắp xếp theo một trình tự nhất định hoặc theo chủ đích của nhà văn.
	Không gian	Xã hội Việt Nam (trước CM-8-1945)
	Thời gian	Thường được sắp xếp không theo trình tự vốn có mà theo chủ đích của nhà văn
	Nhân vật	<i>Người nông dân lương thiện bị bắn cùng hóa, tha hóa sống trong hoàn cảnh khó khăn, khắc nghiệt, tàn bạo....</i>
	Người kể chuyện	Biên hóa linh hoạt (Ngôi thứ 1, 2, 3 hoặc tác giả phân thân, kết hợp các ngôi kể,...) <i>Ngôi 1,2,3 linh hoạt</i>
	Đề tài	Đề tài văn học là phạm vi đời sống được phản ánh và thể hiện trực tiếp trong tác phẩm văn học.
Cách đọc hiểu		Cốt truyện: Xác định những sự việc được kể, đâu là sự việc chính. - Xác định được bối cảnh không gian, thời gian của câu chuyện. - Nhân vật: Nhân vật chính là ai? Nhận biết tính cách nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, tâm lí, hành động và lời nói . - Xác định được những chi tiết nổi bật trong văn bản. - Rút ra đề tài, chủ đề của đoạn trích. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân.

BÀI 2: CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Thể loại		Thơ
Các văn bản đã học		VB Nhớ đồng Tràng giang Con đường mùa đông
Đặc điểm thể loại	Khái niệm	Thơ ca là một thể loại văn bản được viết theo một định dạng đặc biệt, bao gồm các câu thơ thay vì các đoạn văn bình thường. Thơ ca thường có sự thể hiện của cảm xúc và tình cảm của tác giả, sử dụng ngôn ngữ tinh tế, phong phú và chứa đựng những hình ảnh sáng tạo.
	Cấu tứ	Cấu tứ: - Là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. - Gắn với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.

	Tứ thơ	Tứ thơ: - Là sản phẩm của hoạt động cấu tứ. - Vai trò: + <i>Tứ</i> đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. + <i>Tứ</i> là cái xương sống của bài thơ, là điểm tựa cho sự phát triển của hình tượng thơ, bài thơ. Nhờ có tứ, kết cấu của bài thơ trở nên chặt chẽ, gắn kết.
	Yếu tố tượng trưng	Khái niệm: Yếu tố tượng trưng được dùng để chỉ một hình ảnh, hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều (hình ảnh mang tính biểu tượng). - <i>Biểu hiện của yếu tố tượng trưng trong thơ:</i> + Tô đậm tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc... + Phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ. + Hoà trộn cảm nhận của các giác quan, diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng...
	Cấu trúc	cấu trúc, mỗi bài thơ là một cấu trúc ngôn ngữ đặc biệt, sự sắp xếp các dòng (câu) thơ, khổ thơ, đoạn thơ làm nên một hình thức có tình tạo hình; đồng thời sự hiệp vần, xem phối bằng trắc cách ngắt nhịp vừa thống nhất vừa biến hoá tạo nên tính nhạc điệu, trầm bổng, luyến lánh của văn bản thơ.
	Ngôn ngữ	- Ngôn ngữ của thơ ca chủ yếu là ngôn ngữ của nhân vật trữ tình, là ngôn ngữ hình ảnh, biểu tượng. Do đó ngôn ngữ thơ thiên về khơi gợi, đòi hỏi người đọc phải chủ động liên tưởng, tượng tượng, đặc cảm xúc vào ý thơ. - Ngôn ngữ thơ thể hiện rõ cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của nhà văn. + Tính hình tượng + Tính thẩm mỹ + Tính đa nghĩa...
	Nhân vật TT	Nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình, cái tôi trữ tình) là người trực tiếp cảm nhận và bày tỏ niềm rung động trong thơ trước sự kiện. Nhân vật trữ tình là cái tôi thứ hai của nhà thơ, gắn bó máu thịt với tư tưởng, tình cảm của chính tác giả.
	Thể loại	Các thể loại thơ thường gặp: Thơ tự do, thơ Đường luật, thơ tình, thơ chính trị, thơ lục bát....

KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT

Nội dung thực hành	Khái niệm hay quy tắc cần nắm vững	Ý nghĩa của hoạt động thực hành
Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	- Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh, được tiếp nhận bằng thính giác. - Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, được dùng trong sách báo, văn bản hành chính, thư từ,...	Nhận biết, phân tích được đặc điểm và ý nghĩa của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong các văn bản văn học.

Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường	Nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của Tiếng Việt, đồng thời biết thực hiện việc đổi chiều, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau.	- Tạo ra những kết hợp trái logic nhằm “lạ hóa” văn bản. - Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh đặc điểm đối tượng. - Cung cấp nét nghĩa mới nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ. - Bổ sung chức năng mới cho câu.
Lỗi thành phần câu và cách sửa	Câu thiếu chủ ngữ, vị ngữ, câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ, sắp xếp sai vị trí thành phần câu, thiếu vế câu.	Nhận biết được lỗi về thành phần câu và đưa ra được cách sửa.

ĐỀ MINH HỌA

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

CHÂN QUÊ

(Nguyễn Bính)

*Hôm qua em đi tỉnh về,
Đợi em ở mãi con đê đầu làng.
Khăn nhung, quần lĩnh rộn ràng.
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

*Nói ra sợ mất lòng em,
Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.
Như hôm em đi lễ chùa,
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.
Hoa chanh nở giữa vườn chanh,
Thầy u mình với chúng mình chân quê.
Hôm qua em đi tỉnh về,
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

(Nguyễn Bính, *Nước giếng khơi*, NXB Hội Nhà văn, 1957)

Chú thích:

Nguyễn Bính (1918-1966) là một nhà thơ và nhà văn nổi tiếng của Việt Nam. Ông được coi là một trong những nhà thơ lớn của thời kỳ trước đổi mới văn học Việt Nam. Sinh ra trong một gia đình nghèo ở miền Nam, Nguyễn Bính đã có cuộc đời rất khó khăn và đầy biến động.

Các tác phẩm của Nguyễn Bính có thể chia làm hai dòng "lãng mạn" và "cách mạng" mà dòng nào cũng có số lượng đồ sộ nhưng khi nói về Nguyễn Bính là nói về nhà thơ lãng mạn của làng quê Việt Nam. Thơ Nguyễn Bính đến với bạn đọc như một cô gái quê kín đáo, mặn mà, duyên dáng. Người đọc thấy ở thơ ông những nét dung dị, đằm thắm, thiết tha, đậm sắc hồn dân tộc, gần gũi với ca dao. Cái tình trong thơ Nguyễn Bính luôn luôn mặn mà, mộc mạc, sâu sắc và tế nhị hợp với phong cách, tâm hồn của người Á Đông. Vì vậy thơ Nguyễn Bính sớm đi sâu vào tâm hồn của nhiều lớp người và đã chiếm lĩnh được cảm tình của đông đảo bạn đọc từ thành thị đến nông thôn. Đặc biệt là lớp người bình dân, họ thuộc lòng, ngâm nga nhiều nhất. Vì ngoài phần ngôn ngữ bình dân dễ hiểu, dễ thuộc còn

một vấn đề khác khiến thơ ông trường tồn chính là tiếng nói trong thơ ông cũng là tiếng nói của trái tim nhân dân thời đó.

Trong khi hầu hết các thi sĩ trong phong trào Thơ mới chịu ảnh hưởng của thơ phương Tây, Nguyễn Bính lại gắn bó và hấp thụ tinh hoa ca dao, dân ca, truyện thơ dân gian cả về nội dung lẫn hình thức. Bài thơ "Chân quê" chính là tuyên ngôn của thơ Nguyễn Bính.

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về ý nghĩa của câu thơ: "*Hoa chanh nở giữa vườn chanh*"?

Câu 4. Phân tích tác dụng của 01 biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ sau:

Nào đâu cái yếm lụa sồi?

Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?

Câu 5. Anh(chị) có đồng tình với quan điểm của nhà thơ được thể hiện trong các câu thơ :

Nói ra sợ mất lòng em,

Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.

Như hôm em đi lễ chùa,

Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.

hay không? Vì sao?

Câu 6. Rút ra một thông điệp mà nhà thơ Nguyễn Bính muốn gửi gắm đến bạn đọc qua bài thơ trên.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết một bài nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của bài thơ "Chân quê" (Nguyễn Bính).

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. PHẦN ĐỌC		
Câu	Nội dung	Điểm
1	Thể thơ: Lục bát <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0.75
2	Nhân vật trữ tình: chàng trai thôn quê <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời được như đáp án: 0,75 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0.75
3	Ý nghĩa của câu thơ: <i>Hoa chanh nở giữa vườn chanh</i> Thí sinh có thể có nhiều cách lí giải, cảm nhận riêng về ý nghĩa của câu thơ nhưng cần đảm bảo tính hợp lí, biết đặt câu thơ trong cả văn bản để lí giải. Sau đây là gợi ý: - <i>Hoa chanh</i> : Hoa của cây chanh, một loại cây quen thuộc ở làng quê; biểu tượng cho vẻ đẹp mộc mạc, tự nhiên, thanh khiết - <i>Vườn chanh</i> : không gian, môi trường sống của chanh, nơi chanh được nuôi lớn; biểu tượng cho không gian văn hoá làng quê quen thuộc, bình dị. => Ý nghĩa cả câu: Hoa chanh chỉ đẹp khi <i>nở giữa vườn chanh</i> , nơi nó thuộc về; mỗi con người đều có nguồn cội, vùng quê, chúng ta phải biết trân trọng và sống sao cho phù hợp, hài hoà với phong tục với vẻ đẹp mộc mạc của quê hương mình. <i>Hướng dẫn chấm:</i>	1.0

	- Thí sinh giải thích được hai hình ảnh “hoa chanh”, “vườn chanh”: 0.5 điểm - Thí sinh giải thích được ý nghĩa cả câu: 0.5 điểm	
4	Biện pháp nghệ thuật: Câu hỏi tu từ - Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật: Câu hỏi tu từ - Tác dụng: + Câu hỏi “ Nào đâu” lặp lại 2 lần khiến lời thơ bộc lộ rõ sự trách móc, nuối tiếc, xót xa, đau khổ của chàng trai trước sự thay đổi của người yêu. + Làm tăng sắc thái biểu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa, tạo hiệu quả thẩm mỹ. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được như đáp án: 1.0 điểm - Chỉ ra được BPTT : 0.5 điểm - Nếu được tác dụng của BPTT : 0.5 điểm. - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	1.5
5	- HS có thể chọn đồng tình hoặc không đồng tình với quan niệm “giữ nguyên quê mùa” của chàng trai trong bài thơ. - Hs bày tỏ quan điểm và giải thích: + Đồng tình: Việc giữ gìn bản chất, văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập cũng là một điều rất cần thiết. + Không đồng tình: vì trong thời kỳ hội nhập, việc thay đổi là cần thiết để tránh bị lạc quê và quê mùa. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được như đáp án: 1.0 điểm - Chọn đồng tình hay không đồng tình : 0.5 điểm - Hs bày tỏ quan điểm và giải thích hợp lí : 0.5 điểm. - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	1.0
6	- Hs rút ra được một thông điệp có ý nghĩa từ bài thơ - Nêu ý nghĩa của thông điệp	1.0
II. PHẦN VIẾT		
Nội dung		Điểm
Mở bài	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề. - Nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Chân Quê” của Nguyễn Bính	0.25
Thân bài	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả Nguyễn Bính và bài thơ “Chân quê”. - Phân tích, đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ: Thí sinh có thể nêu cảm nhận, phân tích, đánh giá bài thơ theo nhiều cách hoặc theo quan điểm cá nhân nhưng cần đảm bảo 2 ý cơ bản sau: + Về nội dung: Bài thơ viết về tâm trạng của một chàng trai quê, đang đứng trước bi kịch khi muốn níu giữ những vẻ đẹp truyền thống của quê hương mà người yêu anh lại có sự thay đổi đáng buồn khi “đi tỉnh về”. Cô gái quê đã chịu ảnh hưởng không chỉ từ trang phục mà còn cả lối sống, tâm hồn của văn hoá thành thị phương Tây. Điều ấy khiến chàng trai ngỡ ngàng, tiếc nuối, buồn khổ. Qua	2.5

	đó, bài thơ là lời nhắn nhủ hãy giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của quê hương, dân tộc. + Về nghệ thuật: Thể thơ lục bát truyền thống; giọng điệu tâm tình, tha thiết; cách gieo vần, ngắt nhịp vừa kế thừa truyền thống vừa có những cách tân mới mẻ; sự kết hợp các biện pháp tu từ: liệt kê, điệp, câu hỏi tu từ; kết hợp hài hòa giữa tự sự và trữ tình; các từ ngữ, hình ảnh quen thuộc, dân dã;	
Kết bài	- Đánh giá khái quát về chủ đề, đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.	0.5
	Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, trong quá trình phân tích biết liên hệ với các tác phẩm khác, liên hệ thực tế đời sống để khắc sâu thêm giá trị của tác phẩm.	0.5
TỔNG	4.0	

III. MỘT SỐ ĐỀ LUYỆN TẬP

ĐỀ SỐ 01

I. Đọc hiểu (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

*Ngon gió Lào cát trắng của đời tôi
Tôi của cát của gió Lào khắc nghiệt*

*Trong gió nóng những trưa hè ngọt ngào
Mẹ ru tôi hạt cát sạn hàm răng
Vừa lớn khôn tôi đã biết đào hầm
Dưới bom đạn gió Lào vẫn thổi
Và trên cát lại thêm cồn cát mới
Cỏ mặt trời lặn như bánh xe
Cuộc đời tôi có cát chở che
Khi đánh giặc cát lại làm công sự
Máu đồng đội và máu tôi đã đổ
Trên cát này mà gió quạt vừa se
Cây tôi trồng chưa đủ bóng che
Bom giặc cắt lá cành tôi tả
Củ khoai ở đây nhỏ hơn củ khoai cánh đồng
màu mỡ.
[...]*

*Em mới về em chưa thấy gì đâu
Chỉ có cát và gió Lào quạt lửa
Ngon gió bỏng khi đi thành nổi nhớ
Cát khô cồn ở mãi hoá yêu thương
Dẫu đôi khi tôi chẳng bằng lòng
Với cái cát làm bàn chân rát bỏng
Với cái gió làm chín lừ da mặt
Mảnh đất cồn khoai sẵn ít sinh sôi
Tôi sẵn lòng đem hiến cả đời tôi
Cho cát trắng và gió Lào quạt lửa.*

(Trích *Gió Lào cát trắng*, Xuân Quỳnh, tập *Gió Lào cát trắng*, NXB Hội nhà văn, 1974)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Xác định đề tài của đoạn trích.

Câu 3. Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả hình tượng ngọn gió Lào, cát trắng trong những dòng thơ sau:

*Ngon gió bỏng khi đi thành nổi nhớ
Cát khô cồn ở mãi hoá yêu thương
Dẫu đôi khi tôi chẳng bằng lòng
Với cái cát làm bàn chân rát bỏng
Với cái gió làm chín lừ da mặt
Mảnh đất cồn khoai sẵn ít sinh sôi*

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nhân hóa trong hai câu thơ sau:

Cuộc đời tôi có cát chở che

Khi đánh giặc cát lại làm công sự

Câu 5. Anh/Chị hiểu nội dung các dòng thơ sau như thế nào?

Ngọn gió bỏng khi đi thành nỗi nhớ

Cát khô cần ở mãi hoá yêu thương

Câu 6. Nếu quê hương của anh/chị cũng “gió Lào, cát trắng” giống như quê hương của nhân vật trữ tình thì anh/chị có yêu một vùng đất như vậy không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (4.0 điểm)

Viết một bài văn (khoảng 500 chữ) nêu cảm nhận về mảnh đất gió Lào cát trắng trong bài thơ ở phần đọc hiểu.

ĐỀ SỐ 02

I. ĐỌC – HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Qua nhà

- Nguyễn Bính -

*Cái ngày cô chưa có chồng
Đường gần tôi cứ đi vòng cho xa
Lối này lắm bụi nhiều hoa...
(Đi vòng để được qua nhà đấy thôi)
Một hôm thấy cô cười cười
Tôi yêu yêu quá nhưng hơi mất lòng
Biết đâu, rồi chả nói chồng:
“Làng mình khối đưa phải lòng mình đây!”
Một năm đến lắm là ngày!
Mùa thu mùa cốm vào ngay mùa hồng.*

*Từ ngày cô đi lấy chồng
Góm sao có một quặng đồng mà xa
Bờ rào cây bụi không hoa
Qua bên nhà thấy bên nhà vắng teo
Lợn không nuôi, đặc ao bèo
Giàu không dây chằng buồn leo vào giàn
Giếng khơi mưa ngập nước tràn
Ba gian đầy cả ba gian nắng chiều .*

(Nguyễn Bính toàn tập, NXB Hội Nhà văn, 1999, tr.316)

* Chú thích:

Nguyễn Bính (1918 -1966) tên khai sinh là Nguyễn Trọng Bính, quê ở làng Thiện Vịnh xã Đông Hội (nay là xã Cộng Hòa), huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông là nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới (1932-1945) và cũng là một trong những gương mặt xuất sắc của nền thi ca Việt Nam hiện đại. Thơ ông mang sắc thái dân dã, mộc mạc, giản dị, đậm phong vị dân gian, đậm sắc hồn dân tộc với những hình ảnh thân thương của quê hương, đất nước và tình người đậm thắm, thiết tha. Bài thơ “Qua nhà” - rút từ tập thơ “Nước giếng khơi” (1957) - là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách thơ Nguyễn Bính.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 3. Vì sao nhân vật trữ tình trong bài thơ “đường gần tôi cứ đi vòng cho xa”?

Câu 4. Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong các câu thơ:

*Bờ rào cây bưởi không hoa
Qua bên nhà thấy bên nhà vắng teo
Lợn không nuôi, đặc ao bèo
Giàu không dây chẳng buồn leo vào giàn*

Câu 5. Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ

Câu 6. Nếu em là nhân vật trữ tình trong bài thơ, em sẽ ứng xử ra sao khi có tình cảm với cô gái?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) phân tích cấu tứ và hình ảnh bài thơ *Qua nhà* của Nguyễn Bính.

ĐỀ SỐ 03

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Đời tôi, đi đây đó đã nhiều, nhưng lại rất hiếm dịp được thấy Hà Nội. Chỉ một lần thuở bé, rồi một lần hồi chiến tranh, và mấy năm sau này thêm đôi lần nữa. Thành thử, ở Hà Nội, ngoài hồ Hoàn Kiếm với cầu Long Biên, tôi chỉ đại khái biết một ngôi nhà là nhà ga Hàng Cỏ và một con đường là đường xe điện. Nhưng, mặc dù như vậy, mỗi khi nhắm mắt lại nhìn sâu vào những nẻo đường của ký ức, bao giờ tôi cũng thấy hiện lên, tuy rất mờ mờ, bóng dáng của Hà Nội phố xá. Cái thành phố sâu thẳm, xa lạ, chẳng chút thân thuộc ấy, từ lâu lắm rồi đã lắng lặng ăn vào đời tôi như là một trong những miền đất thân yêu nhất, dấu rằng đây là một tình thân yêu tưởng như không đâu, một duyên nợ hầu như vô cớ. Không hẳn là một nỗi niềm mà chỉ là băng quơ một cảm giác, không thành một câu chuyện mà chỉ như là một nốt sâu còn vương lại của thời trai trẻ chiến tranh, một thời tuổi trẻ đã hoàn toàn mai một nhưng dư âm vọng suốt đời. Như tiếng mưa rơi. Như tiếng gió lùa. Như tiếng lá rụng. Mà không bao giờ quên.

Từ bấy tới nay, thời gian mất đi đã hai chục năm tròn. Hà Nội thuở đó với Hà Nội bây giờ có lẽ đã như là một trời một vực.

Ngày ấy, từ mặt trận Quảng Trị, tôi lái xe đưa chỉ huy sư đoàn ra họp Bộ tư lệnh đang đóng ở rìa thủ đô. Khi chúng tôi ra tới nơi, thành phố đang ngất trời bom đạn. Đây thực sự là cuộc đụng đầu sống mái, một trận quyết chiến vì lẽ mất còn. Giữa hướng cảnh chung nước sôi lửa bỏng như thế, chẳng dám màng gì một chuyến về quê, tôi chỉ xin được rảo vào phố để rải non chục lá thư của anh em đồng đội người Hà Nội đã gửi gắm. Tôi muốn trao thư tận tay các gia đình, để có thể nhận được ngay hồi âm mang ngược vào đơn vị cho lính ta sướng. Lựa ngày Nô-en, cấp trên thuận cho tranh thủ. Hạn đến 0 giờ phải trở về trình diện.

Tôi vào thành phố, dưới mưa chiều. Mưa phùn mùa đông buồn bã. Mái nhà, lòng đường, vòm cây một màu thẫm ướt. Xe cộ phóng rất nhanh, người đi bộ gấp bước.

Mặc dù không biết phố nào vào với phố nào, lại ôm trong mình những chín lá thư, nhưng thoạt đầu tôi nghĩ không việc gì phải lo. Chỉ cần hỏi tới một địa chỉ, rồi từ đấy lần lượt nhờ người ở địa chỉ trước đưa mình đến địa chỉ sau. Không dè, rút cuộc, cả chín lá thư tôi đều phải lùa vào phòng qua khe cửa. Ngày hôm ấy, dường như cả Hà Nội đã khoá trái cửa, bỏ nhà đấy mà đi.

Xong được lá thư chót, trời đã tối sầm. Phố dài vắng ngắt ngấm mình trong mưa, tù mù những vùng đèn đường. Tôi hỏi được về Vọng. Một anh dân phòng diện ủng, vận áo tơi bạt, tận tình dẫn tôi đi một đoạn khá xa đường. Đến ngã ba nọ, trước khi chia tay, anh chỉ xuống cặp ray đường tàu điện chạy sát vỉa hè và bảo tôi cứ bám theo đó mà đi là đến.

Sụp mũ cúi xuống, dựng cổ áo lên, tôi lần sâu vào trong màn mưa phùn mờ mỏng dưới trời đêm lạnh buốt. Hai vệt ray loáng ướt, chẳng khác nào một lối mòn độc đạo xuyên qua rừng rậm nhà cửa tối đen. Thành phố chiến tranh như bên bờ vực, hun hút hoang vắng. Tôi cảm cúi bước, thui thui, tê dại. Thăm thẳm nối nhau những chặng đường khuya không ánh sáng đèn, không một bóng bộ hành, không bóng một hàng quán. Hơi thở lạnh ngắt của đêm mưa ngấm vào tận cái dạ dày tôi trống rỗng. Các khớp xương cồng nhức cứng đờ như đang rời cả ra và rơi rụng. Con sốt âm ỉ từ chiến trường dâng lên dọc sống lưng, tôi sờn gai ốc, và không ngớt rung mình. Đầu óc chậm chạp chung chiêng, đầu gối những muồn khuỵu xuống. Đi chưa được mấy đường, tôi đã bắt đầu đếm bước. Màn đêm ướt át như đông lại. Không nhìn thấy gì trước mắt, suýt nữa thì tôi đã xô người tới và mặt vào một cái đầu tàu điện đen ngòm đậu chết cứng giữa lòng đường.

Chuyện choạng, tôi rẽ lên vỉa hè, rồi lao đảo tấp vào dưới mái hiên một ngôi nhà. Răng va lập cập trong miệng, tôi tựa lưng vào cánh cửa đóng chặt, rồi từ từ trượt người xuống, ngồi phệt lên cái bậc tam cấp ướt đầm hơi mưa và lạnh như một cây nước đá. Rét mướt buốt tim, tôi rên hừ hừ và rồi cũng không rên nổi nữa. Cũng không sao ghìem lại được cơn run, cứ run bắn lên, run cầm cập. Thân nhiệt của mình lúc này có lẽ chỉ còn bằng với người đang ngắc ngoải, cái đầu đã tê cồng của tôi lơ dờ nghĩ, không khéo mà khốn đến nơi rồi, không khéo mà là một cơn ác tính. Những người bị sốt rét ác tính nằm chết trên vồng giữa rừng sâu, còn mình thì chết ngồi, chắc thế, và sẽ hoá thành tảng đá co ro trước cửa nhà người ta.

Trên đầu tôi, mái tôn rách nát run bần bật. Dưới vẫn mưa gió. Gió phả mưa vào tận thêm. Đã ướt lại ướt thêm một lượt nữa, tôi thở hắt, mặt mày xây xẩm. Biết là cần phải dốc toàn lực bình sinh mà đứng dậy và bước đi, song hết rồi, nghị lực đã tê bại. Sinh lực xuống nhanh như mực nước trong một cái bình bị đập vỡ đáy, sự sống trong tôi xoay tròn một vòng và từ từ, lặng lẽ lật nghiêng. Đúng khi đó, sau lưng tôi, cửa kẹt mở. Tôi nghe thấy nhưng mà không ý thức được tiếng động ấy. Con choáng ngất gần như là một nỗi yếu mềm, một sự buông lơi, như thể một tiếng thở phào, nhẹ nhàng ru tôi ra khỏi tôi...

(Trích *Khắc dấu mạn thuyền*, Bảo Ninh, Nguồn <https://kilopad.com/Tieu-thuyet-truyen-ngan-c197/doc-sach-truc-tuyen-khac-dau-man-thuyen-b9317>)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể của truyện?

Câu 2. Tác giả chọn điểm nhìn nào?

Câu 3. Trong đoạn trích trên, Bảo Ninh đã xây dựng tình huống truyện như thế nào?

Câu 4. Xác định biện pháp nghệ thuật đã sử dụng trong câu sau và nêu tác dụng ?

“Trên đầu tôi, mái tôn rách nát run bần bật. Dưới vẫn mưa gió. Gió phả mưa vào tận thêm”

Câu 5. Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của người lính lái xe trong đoạn trích trên?

Câu 6. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tích và đánh giá nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu (trích *Khắc dấu mạn thuyền*, Bảo Ninh).

ĐỀ SỐ 04

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

CÔ HÀNG XÉN *

(Trích)

... Tâm rào bước đi qua cánh đồng nghĩ ngợi. Đã lâu, nàng không có dịp sang thăm nhà vì bận con mọn và buôn bán. Chiều nay Lân ở trên tỉnh về, nên nàng đến để gặp em và hỏi thăm ông Tú, mệt đã mấy tháng nay.

Cây đa cổ và cái quán gạch vẫn đứng đợi nàng ở đầu làng. Đường ngõ vẫn lồi lõm vì trâu đi, hai bên vệ vẫn mùi bèo và mùi rạ ướt. Trong làng chẳng có gì thay đổi.

Khi nghe thấy tiếng bà Tú âu yếm đón hỏi trên thềm, tiếng thằng Ái và em bé reo mừng chị, lòng Tâm dịu lại như ngày nàng còn gánh hàng về. Tâm bước vào ngôi trên phản bên cạnh mẹ; căn nhà đối với nàng hình như rộng rãi và lặng lẽ hơn trước nhiều.

Hai mẹ con yên lặng không nói nữa. Tâm thấy mẹ già đi quá, hai mái tóc đã bạc phơ. Bỗng nhiên, nàng đau xót trong lòng, thương mẹ và buồn cho cảnh nhà nghèo.

-- Kia, chị đã đến. Em chờ chị mãi từ sáng đến giờ.

[...]

-- Em xin chị một chục bạc để mua sách học.

Tâm hoảng sợ:

-Sao nhiều thế, chị lấy đâu ra. Độ này buôn bán khó khăn lắm, một ngày vài hào chỉ lãi, em bảo chị làm thế nào được ?

Thấy Lân có vẻ không bằng lòng, Tâm vội đáp:

-- Hãy để thông thả chị lo rồi gửi chị Liên cho em.

-- Thế thì lấy tiền đâu mà nộp đơn và mua sách bây giờ ? Không có thà rằng ở nhà cho xong.

Lân vùng vằng đứng gậy bước ra ngoài thềm. Bà Tú ngược mắt trông theo, rồi vội vã bước ra gọi em lại. Nàng dịu giọng ngọt ngào:

-- Góm, chưa chi em đã giận. Có phải chị tiếc em đâu, vì chị chưa có thật.

Lân yên lặng rồi không nói gì, quay mặt đi chỗ khác. Lòng chị lại không nở thấy em buồn:

-Thì đây, chị có chục bạc này là tiền lấy hộ cho anh ấy đây. Em cầm lấy rồi chị liệu vay sau cũng được.

Tâm lần ruột tượng lấy ra gói bạc giấy cuộn tròn. Số tiền nàng vừa lấy định trang trải các công nợ và lo sưu thuế cho Bài. Nhưng thấy vẻ mặt vui mừng của em, nàng quên mất cả những nỗi lo sợ đang chờ nàng.

Lúc Tâm ra về, trời đã tối. Nàng vội vã bước mau để về cho con bú. Sương mù xuống phủ cả cánh đồng, và gió lạnh nổi lên: Tâm thu vạt áo lại cho đỡ rét, lần theo bờ cỏ đi. Lòng nàng mệt nhọc và e ngại: lấy đâu mà bù vào chỗ tiền đưa cho em ? Tâm nhớ lại những lời dặn của mẹ chồng và những câu giận dữ của Bài mỗi khi hỏi nàng không có tiền. Nàng nghĩ đến những ngày buôn bán được, ngày không, Tâm dần bước. Cái vòng đen của rặng tre làng Bàng bỗng vụt hiện lên trước mặt, tối tăm và dày đặc. Tâm buồn rầu nhìn thấu cả cuộc đời nàng, cuộc đời cô hàng xén từ tuổi trẻ đến tuổi già toàn khó nhọc và lo sợ, ngày kia như tấm vải thô sơ. Nàng cúi đầu đi mau vào trong ngõ tối.

(Thạch Lam truyện ngắn, NXB Văn hóa Thông tin, 2010, tr.146-147)

Chú thích:

* Hàng xén: hàng tạp hóa bán ở vỉa hè, ở chợ.

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể của truyện?

Câu 2. Tác giả chọn điểm nhìn từ nhân vật nào?

Câu 3. Tại sao Tâm vẫn quyết định đưa tiền cho em trai?

Câu 4. Những chi tiết miêu tả con đường ở cuối truyện có tác dụng gì?

Câu 5. Nhận xét về nhân vật Tâm trong đoạn truyện

Câu 6. Nếu là Tâm trong truyện, em có ứng xử như Tâm hay không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tích và đánh giá nghệ thuật kể chuyện của Thạch Lam trong đoạn trích trên.